

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2023/HS-ST
Ngày 27-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sinh Chi.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- T ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - T ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 169/2023/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Đào Quang T, sinh ngày 01/01/1953, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: đường Đ, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 7/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Đào Thiện B (đã chết), ông B là Liệt sỹ con bà Phạm Thị B (đã chết); Có vợ là Đỗ Thị N, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Bản án số 08/1974/HSST ngày 18/10/1974 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình) tỉnh Thái Bình xử phạt Đào Quang T: 20 tháng tù về tội “Cố ý gây Thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/8/1976. Tại biên bản xác minh ngày 04/7/2023 tại

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình không thể hiện hồ sơ Thi hành án của Đào Quang T đối với bản án trên.

Bản án số 31/1986/HSST ngày 02/7/1986 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình) tỉnh Thái Bình xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/2/1986. Ngày 07/8/1989 chấp hành xong về địa phương. Buộc T phải bồi hoàn 3.700 đồng để sung quỹ Nhà nước; Trả lại anh Phạm Xuân P, ở Đội x, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình chiếc đồng hồ và 400 đồng tiền mặt; Trả lại anh Hoàng Văn L, ở tại phường B, thị xã T (Nay là thành phố T), tỉnh Thái Bình; Trả lại anh Phạm Thanh T, ở xưởng đá lạnh Công ty T số tiền 400 đồng; Ngoài ra T còn phải nộp 30 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 195 đồng án phí dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 04/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình không thể hiện hồ sơ Thi hành án của T đối với bản án trên.

Bản án số 91/HSST ngày 28/11/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản riêng công dân”. Hình phạt chung 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/12/1991. Ngày 24/9/1997 chấp hành xong; Buộc T phải bồi thường cho ông Trần Hồng S, ở phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình số tiền 40.000 đồng, phải chịu 15.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 15.000 đồng án phí dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 04/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình không thể hiện hồ sơ Thi hành án của T đối với bản án trên.

Bản án số 70/2005/HSST ngày 09/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/03/2005. Ngày 16/01/2010 chấp hành xong; Buộc T phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, T đã thi hành xong ngày 29/7/2005. Buộc T phải bồi thường cho ông Phạm Văn T, sinh năm 1956, cư trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, T đã bồi thường xong khoản tiền trên tại phiên tòa.

Quyết định số 63/NC/CS2 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ngày 04/02/1978 về việc đưa Đào Quang T, đi tập trung cải tạo trong thời gian 03 năm về hành vi nhiều lần Trộm cắp tài sản. Ngày 21/5/1982 chấp hành xong.

Ngày 06/01/1986 bị Công an thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”. Tại biên bản xác minh ngày 22/8/2023 tại Công an thành phố Thái Bình không thể hiện lưu trữ hồ sơ vụ việc này.

Ngày 10/01/1977 bị Công an thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”. Tại biên bản xác

minh ngày 22/8/2023 tại Công an thành phố Thái Bình không thể hiện lưu trữ hồ sơ vụ việc này.

Bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2023 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Vũ Thị M, sinh năm 1964, cư trú tại đường Đ, tổ x, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1954, nơi cư trú: đường Đ, tổ x, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947, nơi cư trú: đường Đ, tổ 0y, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Đặng Cao T, sinh năm 1982 và chị Trần Thị T, sinh năm 1985, cùng nơi cư trú: đường Đ, tổ x, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

4. Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1970, nơi cư trú: đường Đ, tổ x, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

5. Anh Vũ Tất T, sinh năm 1991, nơi cư trú: đường Đ, tổ x, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

6. Chị Vũ Thị C, sinh năm 1987, nơi cư trú: thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Ông H, bà H, anh T, ông P vắng mặt, anh T, chị C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/5/2023, bà H có đến vườn chuối của bà Vũ Thị M để mua lá chuối. Sau khi cắt lá chuối xong, bà H bỏ lá chuối vào trong túi nilon màu đỏ và để ở vệ đường Đ rồi quay vào trong vườn chuối để lấy thêm. Khi bà H quay vào vườn chuối thì Đào Quang T đi qua nhìn thấy có 01 túi nilon màu đỏ bên trong có đựng lá chuối, T nghĩ là túi nilon đựng rác nên T đã cầm vắt xuống sông Đ gần đó. Khi bà M đi từ vườn chuối ra không thấy túi lá chuối đâu, lúc này bà M nhìn thấy T đang đứng ở đường gần vườn chuối và do giữa T và bà M có mâu thuẫn với nhau từ trước nên bà M nghĩ là T lấy túi lá chuối. Bà M đi lại chỗ T đứng nói T trả lại túi nilon đựng lá chuối thì T nói đã vứt đi rồi. Bà M bực tức chửi T rồi hai bên lời qua tiếng lại cãi chửi nhau. Do bực tức về việc bà M chửi mình, T dùng tay phải tóm tóc bà M, tay trái tát vào mặt bà M 02 cái. T tiếp tục nhốt ở vệ đường 01 đoạn

gậy tre dài khoảng 60 cm có đường kính khoảng 15 cm cầm ở tay phải vụt mạnh một nhát vào đùi bên trái của bà M làm bà M bị ngã ra đường. Lúc này chị Vũ Thị C là con bà M thấy vậy chạy lại đẩy T ra và giật lấy đoạn gậy tre trên tay T vụt xuống vệ đường. T thấy bà M đang nằm trên đường lại tiếp tục dùng chân phải đạp từ trên xuống dưới 03 cái vào đùi bên trái của bà M, rồi T bê chậu nước ở gần đó hắt vào người bà M, sau đó T nhặt hòn gạch định ném nhưng được mọi người can ngăn nên T đi về nhà. Bà Vũ Thị M được mọi người đưa đến bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình để cấp cứu và điều trị. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do T tích gây nên đối với bà Vũ Thị M do T gây ra là 27% (hai mươi bảy phần trăm).

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 244/KLTTCT-TTPY ngày 13/6/2023 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Thái Bình kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do T tích gây nên đối với bà Vũ Thị M tại thời điểm giám định là 27% (Hai mươi bảy phần trăm).

- Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 328/KLTTCT-TTPY ngày 08/8/2023 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Thái Bình kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do T tích gây nên đối với bà Vũ Thị M tại thời điểm giám định bổ sung là 27% (hai mươi bảy phần trăm).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận như trên.

Tại bản cáo trạng số 176/CT-VKSTPTB ngày 11/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Đào Quang T về tội “Cố ý gây T tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134, điểm o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48, Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự; đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi Tòng cho bà M số tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc đánh bị hại là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và còn được chứng minh bằng: Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình lập ngày 29/5/2023; Giấy chứng nhận Tơng tích ban đầu đối với bà Vũ Thị M của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình; Bản sao bệnh án của bà Vũ Thị M điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định tổn Tơng cơ thể trên người sống số 244/KLTTCT-TTPY ngày 13/6/2023 và số 328/KLTTCT-TTPY ngày 08/8/2023 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Thái Bình cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 23/5/2023 tại khu vực đường Đ, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình, do bức tức vì bà Vũ Thị M là người hàng xóm chửi mình nên Đào Quang T đã có hành vi dùng tay, chân, gậy tre đánh vào chân, đùi trái và người bà M làm bà M bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 27% (Hai mươi bảy phần trăm).

[3] Điều 134 Bộ luật Hình sự, tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...đ) Gây Thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại theo điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự, như vậy cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi đó thể hiện việc coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội, tạo dư luận xấu trong xã hội và quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người trên 70 tuổi, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và có bố đẻ là Liệt sỹ chống thực dân Pháp, bị hại có một phần lỗi nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do vậy giảm một phần hình phạt đáng kể cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân xấu đã rất nhiều lần bị xử lý hành chính và bị đưa ra xét xử nhưng không rèn luyện bản thân mà lại phạm tội nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà M yêu cầu bị cáo bồi thường cụ thể như sau: Chi phí mua theo hóa đơn của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình: thuốc, bộ dây truyền ngày 27/5/2023 là 1.849.500 đồng; Chi phí mua nẹp, vít ngày 27/5/2023 là 2.911.600 đồng; Chi phí mua thuốc ngày 01/6/2023 là 1.890.700 đồng; Tiền chi trả cho bệnh viện cho những ngày nằm viện ngày 02/6/2023 là 4.103.568 đồng (làm tròn là 4.103.200 đồng) ; Tiền xe theo hóa đơn ngày 08/6/2023 của Công ty TNHH vận chuyển cấp cứu người bệnh Thái Việt là 500.000 đồng; Phí vận chuyển cấp cứu theo phiếu thu của trung tâm cấp cứu 115 tỉnh Thái Bình là 50.000 đồng (vận chuyển bệnh viện chất lượng cao sang bệnh viện đa khoa tỉnh). Ngoài ra còn có các khoản sau không có hóa đơn chứng từ: Tiền thuê xe chở từ nhà đến bệnh viện chất lượng cao 100.000 đồng; Tiền thuê xe chở đi kiểm tra lại 200.000 đồng; Tiền thuê xe đi giám định lần 2 là 200.000 đồng; Tiền phục hồi chức năng từ 02/6/2023 đến 02/7/2023 là 4.500.000 đồng; Tiền mua sữa của bệnh viện 1.100.000 đồng; Tiền bồi dưỡng sức khỏe là 9.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản chi phí: 26.405.000 đồng. Tiền công không lao động được là 5 tháng x 30 ngày/tháng x 200.000 đồng/ngày = 30.000.000 đồng; Tiền công của người chăm sóc 9 ngày ở

bệnh viện + 45 ngày kể từ 02/6/2023 đến ngày 17/7/2023 = 54 ngày x 200.000 đồng/ngày = 10.800.000 đồng; Thiệt hại 1 năm không đi làm được là 365 ngày x 100.000 đồng/ngày = 36.500.000 đồng; Yêu cầu bị cáo bồi Tòng cho bà một khoản tổn thất về tinh thần và sức khỏe là 10.000.000 đồng; Tổng cộng tất cả các khoản: 113.705.000 đồng.

[7] Xét thấy, các khoản chi phí có hóa đơn chứng từ cần chấp nhận cho bà M gồm: Chi phí mua theo hóa đơn của Bệnh viện đa khoa tỉnh T: thuốc, bộ dây truyền ... ngày 27/5/2023 là 1.849.500 đồng; Chi phí mua nẹp, vít ngày 27/5/2023 là 2.911.600 đồng; Chi phí mua thuốc ngày 01/6/2023 là 1.890.700 đồng; Tiền chi trả cho bệnh viện cho những ngày nằm viện ngày 02/6/2023 là 4.103.568 đồng (làm tròn là 4.103.200 đồng); Tiền xe theo hóa đơn ngày 08/6/2023 của Công ty TNHH vận chuyển cấp cứu người bệnh T là 500.000 đồng; Phí vận chuyển cấp cứu theo phiếu thu của trung tâm cấp cứu 115 tỉnh Thái Bình là 50.000 đồng. Các khoản không có hóa đơn nhưng cần chấp nhận gồm: Tiền thuê xe chở từ nhà đến bệnh viện chất lượng cao 100.000 đồng; Tiền thuê xe chở đi kiểm tra lại 200.000 đồng; Tiền thuê xe đi giám định lần 2 là 200.000 đồng; Tiền phục hồi chức năng từ 02/6/2023 đến 02/7/2023 là 4.500.000 đồng (có giấy biên nhận); Tiền mua sữa của bệnh viện 1.100.000 đồng; Tiền bồi dưỡng sức khỏe 9.000.000 đồng. Đối với khoản tiền công không lao động được của bà M chấp nhận cho bà M 09 ngày điều trị tại Bệnh viện và 2 tháng kể từ khi xuất viện đến khi bà M đi khám lại là 69 ngày x 200.000 đồng/ngày = 13.800.000 đồng. Đối với công người chăm sóc: Chấp nhận cho bà M có người chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện 09 ngày + 14 ngày về nhà chờ cắt chỉ = 23 ngày x 200.000 đồng/ngày = 4.600.000 đồng. Tiền tổn thất về tinh thần chấp nhận là 10.000.000 đồng. Tổng cộng là: 54.805.000 đồng. Vì vậy, buộc bị cáo Đào Quang T phải có trách nhiệm bồi Tòng cho bà M số tiền trên.

[8] Về vật chứng: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội T có dùng đoạn gậy tre có chiều dài khoảng 60 cm, đường kính khoảng 15 cm gây Tơng tích cho bà M, sau đó chị Vũ Thị C là con bà M giật lấy đoạn gậy tre trên tay T vất xuống vệ đường. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134, điểm o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 48, Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tổ tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Quang T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đào Quang T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đào Quang T phải bồi thường chi phí cho bà Vũ Thị M về thiệt hại về sức khỏe bị xâm hại do T gây ra ngày 23/5/2023 cụ thể là: Chi phí mua theo hóa đơn của Bệnh viện đa khoa tỉnh T: thuốc, bộ dây truyền ... ngày 27/5/2023 là 1.849.500 đồng; Chi phí mua nẹp, vít ngày 27/5/2023 là 2.911.600 đồng; Chi phí mua thuốc ngày 01/6/2023 là 1.890.700 đồng; Tiền chi trả cho bệnh viện điều trị từ 23/5/2023 đến ngày 02/6/2023 là 4.103.200 đồng; Tiền xe ngày 08/6/2023 là 500.000 đồng; Phí vận chuyển cấp cứu là 50.000 đồng. Tiền thuê xe chở từ nhà đến bệnh viện chất lượng cao 100.000 đồng; Tiền thuê xe chở đi kiểm tra lại 200.000 đồng; Tiền thuê xe đi giám định lần 2 là 200.000 đồng; Tiền mua sữa của bệnh viện 1.100.000 đồng. Tiền phục hồi chức năng từ 02/6/2023 đến 02/7/2023 là 4.500.000 đồng; Tiền bồi dưỡng sức khỏe là 9.000.000 đồng. Tiền công không lao động được của bà M 13.800.000 đồng. Tiền công người chăm sóc: 4.600.000 đồng. Tiền tổn thất về tinh thần 10.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền Đào Quang T phải bồi thường cho bà Vũ Thị M là: 54.805.000 đồng (*Năm mươi tư triệu tám trăm linh năm nghìn đồng*). Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.740.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/10/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương